SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU
Digitally signed by SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU
DN: c=VN, st=Bà Rịa-Vũng Tàu, l=Tp.Bà Rịa, cn=SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3500287275
Date: 2016.02.18 15:10:40 +07'00'

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35 /2014/QĐ-UBND	*Bà Rịa, ngày 12 tháng 8 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2014-2015.

SỞ TƯ PHÁP T.BÀ RỊA - VŨNG TÀU
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 5034
Ngày 21/8/2014.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND năm 2004;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2005 ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 -2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/5/2014 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 -2011 đến năm học 2014-2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 Của Chính phủ ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 17/7/2014 của HĐND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu Khóa V- kỳ họp thứ VIII Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2013-2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số: 742/TTLS-GDĐT-TC-LĐTBXH ngày 26/6/2014 về việc Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2013-2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2014-2015 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, cụ thể như sau:

1. Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập:

a). Đối tượng không phải đóng học phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/5/2014 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 -2011 đến năm học 2014-2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 Của Chính phủ ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH).

b). Đối tượng được miễn học phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

c) Bổ sung đối tượng được miễn học phí:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên có cha mẹ thường trú tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con hộ nghèo theo chuẩn Quốc gia và chuẩn của tỉnh.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân.

- Trẻ em học mẫu giáo, học sinh, sinh viên có cha mẹ thường trú tại huyện Côn Đảo.

d) . Đối tượng được giảm học phí:

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

đ) Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

e) Bổ sung đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh.

- Học sinh trong độ tuổi phổ thông học chương trình THPT hệ Giáo dục thường xuyên tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân.

- Trẻ em học mầu giáo, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Côn Đảo.

2. Kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả chế độ cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

4. Quy định mức thu học phí:

a. Về mức thu:

- a1. Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông năm học 2013-2014, năm học 2014-2015 và từ năm học 2015-2016 như sau:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh

STT	Cấp học	Nông thôn	Thành thị
1	Nhà trẻ	50	80
2	Mẫu giáo 1 buổi	20	40
3	Mẫu giáo 2 buổi, bán trú	30	70
4	Trung học cơ sở	30	40
5	Trung học phổ thông	40	60
6	BT trung học cơ sở	30	50
7	THPT hệ Giáo dục thường xuyên	60	80

- a2. Mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thông năm học 2013-2014, năm học 2014-2015 và từ năm học 2015-2016 như sau:

a21. Đào tạo trình độ Trung cấp chuyên nghiệp:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh

STT	Nhóm ngành	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	270	310
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn; du lịch.	320	360
3	Y dược	480	560

a22. Đào tạo trình độ Cao đẳng:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

STT	Nhóm ngành	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	310	350
2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn; du lịch.	360	420

a23. Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề:

Đơn vị: ngàn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

STT	Trình độ	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015
1	Trung cấp nghề	240	250
2	Cao đẳng nghề	260	280

- Trong quá trình thực hiện, nếu mức trượt giá tăng quá 20% *(tính từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành)*, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét phê chuẩn quy định mức thu học phí mới.

- Các mức thu học phí trên áp dụng cho các đối tượng là học sinh, sinh viên thuộc diện đào tạo trong chỉ tiêu ngân sách nhà nước; đồng thời phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

b). Thời điểm áp dụng: Từ năm học 2014-2015.

Những nội dung khác của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, Nghị định 74/2013/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-

BLĐTBXH được áp dụng thực hiện trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định và Thông tư này.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố hướng dẫn và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.Quyết định này thay thế Quyết định số 45/2011/QĐ-UBNDngày 23/8/2011 của UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu về việc Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 -2011 đến năm học 2014 -2015

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng CP, Website Chính phủ;
- Vụ địa phương VPCP;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp, Cục Kiểm tra VBQPPL;
- TTr Tỉnh ủy, TTr Hội đồng nhân dân Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- UBMTTQ Tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các ban HĐND Tỉnh;
- Như điều 4;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể trong Tỉnh;
- TT.HĐND và UBND các huyện, thị, TP;
- Trung tâm Công báo Tỉnh;
- Đài PTTH, Báo BR-VT;
- Lưu VT-TH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Dũng